

# CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN & DỊCH VỤ TN HỌC

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**  
Cho niên độ kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

**CÔNG TY CỔ PHẦN**  
**ĐẠI LÝ VẬN TẢI SAFI**  
**(SAFI)**

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ VẬN TẢI SAFI****MỤC LỤC**

---

	<i>Trang</i>
1 - Báo Cáo Của Ban Giám Đốc	01 - 03
2 - Báo Cáo Kiểm Toán	04
3 - Bảng Cân Đối Kế Toán Hợp Nhất	05 - 08
4 - Báo Cáo Kết Quả Hoạt Động Kinh Doanh Hợp Nhất	09
5 - Báo Cáo Lưu Chuyển Tiền Tệ Hợp Nhất	10
6 - Thuyết Minh Báo Cáo Tài Chính Hợp Nhất	11 - 23



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ VẬN TẢI SAFI****BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC****Cho niên độ kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008**

Ban Giám đốc trân trọng đề trình bản báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán của Công ty Cổ Phần Đại Lý Vận Tải SaFi ("Công ty") cho niên độ kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008.

**1. CÁC HOẠT ĐỘNG CHÍNH CỦA CÔNG TY****Công ty mẹ**

Công ty Cổ Phần Đại Lý Vận Tải SaFi được chuyển đổi từ doanh nghiệp Nhà Nước sang Công ty Cổ Phần theo Quyết định số 1247/1998/QĐ-BGTVT ngày 25/05/1998 của Bộ Giao Thông Vận Tải và đăng ký hoạt động kinh doanh theo giấy phép số 063595 ngày 31/08/1998 do Sở Kế Hoạch và Đầu Tư TP.HCM cấp, đã thay đổi lần thứ 14 ngày 24 tháng 01 năm 2009.

Trụ sở hoạt động của Công ty: Số 39 Đoàn Như Hải, Phường 4, Quận 4, TP. Hồ Chí Minh.

Hình thức hoạt động: Công ty cổ phần

Cổ phiếu của Công ty chính thức được niêm yết và giao dịch trên Sở giao dịch chứng khoán TP.HCM (HOSE) từ ngày 29 tháng 12 năm 2006 với mã chứng khoán là SFI.

Hoạt động chính của Công ty: Đại lý vận tải đa phương thức; đại lý tàu biển trong và ngoài nước; đại lý ủy thác quản lý container; giao nhận hàng hóa kinh doanh; kinh doanh kho bãi.

**Công ty con**

Công Ty Liên Doanh Đại Lý Vận Tải COSFI là doanh nghiệp liên doanh giữa Đại Lý Hàng Hải Việt Nam và Công Ty Cosco Holding (Singapore) theo giấy phép đầu tư số 2071/GP ngày 18/08/1998 và giấy phép điều chỉnh số 2071/GPĐC ngày 6/09/1999, 2071/GPĐC-BKH-HCM ngày 04/03/2002 do Bộ Kế Hoạch và Đầu Tư cấp. Trong đó bên Việt Nam được điều chỉnh: Công ty cổ phần Đại Lý vận tải SAFI thay cho Đại lý hàng hải Việt Nam.

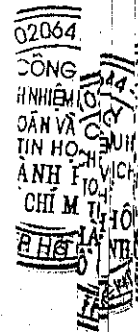
Trụ sở chính : 6A Hồ Xuân Hương, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh.

Hình thức hoạt động : Công ty liên doanh.

Hoạt động chính của Công ty con : Đại lý vận tải đa phương thức; Đại lý tàu biển trong và ngoài nước; Đại lý ủy thác quản lý container; Giao nhận hàng hóa kinh doanh; Kinh doanh kho bãi.

**2. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC VÀ KẾ TOÁN TRƯỞNG****Hội đồng Quản trị**

Ông Trần Mạnh Hà : Chủ tịch HĐQT  
 Ông Hoàng Đăng Doanh : Phó Chủ tịch HĐQT  
 Ông Nguyễn Hữu Cư : Thành viên  
 Ông Trần Nguyên Hùng : Thành viên  
 Ông Phan Thông : Thành viên



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ VẬN TẢI SAFI****BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Cho niên độ kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

**Ban Giám đốc**

Ông Trần Nguyên Hùng : Tổng Giám đốc  
Ông Bùi Quang Cảnh : Phó Tổng Giám đốc

**Kế toán trưởng**

Bà Võ Thị Phương Lan : Kế toán trưởng

**3. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG**

Ban Giám đốc nhất trí với các số liệu trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm Toán và Dịch Vụ Tin Học TP. Hồ Chí Minh (AISC) được trình bày trong báo cáo tài chính đính kèm báo cáo này, từ trang 5 đến trang 23.

**4. KIỂM TOÁN VIÊN ĐỘC LẬP**

Công ty TNHH Kiểm toán và Dịch vụ Tin học TP. HCM (AISC) được chọn kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Đại Lý Vận Tải SaFi cho niên độ kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008.

**5. CAM KẾT CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực, hợp lý các Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho niên độ kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính hợp nhất, Ban Giám đốc đã xem xét và tuân thủ các vấn đề sau:

- Trước khi các báo cáo tài chính của Công ty được lập, Ban Giám đốc đã tiến hành những bước cần thiết để đảm bảo rằng giá trị sổ sách của bất kỳ tài sản lưu động nào của Công ty đã được xác định phù hợp với giá trị thực tế của tài sản vào thời điểm kết thúc niên độ.
- Không có bất kỳ sự kiện hay trường hợp bất thường nào xảy ra kể từ ngày kết thúc niên độ đến thời điểm lập báo cáo này có thể dẫn đến sự hiểu nhầm về các số liệu trình bày trong các báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty.
- Không có một thế chấp nào bằng tài sản của Công ty kể từ cuối năm tài chính để đảm bảo cho những khoản nợ của bất kỳ cá nhân nào khác.
- Không có một khoản nợ ngoài dự kiến nào hay một khoản nợ nào khác của Công ty sẽ hay có thể làm ảnh hưởng một cách nghiêm trọng đến khả năng thực hiện nghĩa vụ của Công ty, khi các khoản nợ này đến hạn trả hay khi Công ty bị bắt buộc phải trả hoặc có thể bị bắt buộc phải trả trong thời hạn mười hai tháng sau khi kết thúc năm tài chính.
- Các hoạt động trong năm của Công ty được phản ánh trên báo cáo tài chính không có khả năng bị ảnh hưởng một cách nghiêm trọng bởi bất kỳ khoản mục, nghiệp vụ, sự kiện có bản chất trọng yếu hay bất thường nào đã phát sinh cho đến ngày lập báo cáo này.
- Trong trường hợp cần thiết, các thông tin cần công bố được giải trình trong phần thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.
- Lựa chọn các chính sách kế toán được thích hợp và áp dụng một cách nhất quán, các ước tính được đánh giá hợp lý và thận trọng.



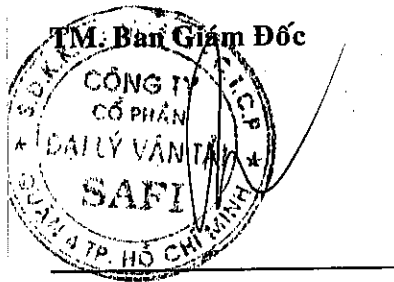
**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ VẬN TẢI SAFI****BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC****Cho niên độ kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008**

- Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở hoạt động liên tục, trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.

**6. XÁC NHẬN**

Theo ý kiến của Ban Giám đốc, chúng tôi nhận thấy rằng các Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và các thuyết minh BCTC hợp nhất đính kèm được soạn thảo đã thể hiện quan điểm trung thực và hợp lý về tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho niên độ kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008.

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập phù hợp với chuẩn mực và hệ thống kế toán Việt Nam.

**TRẦN NGUYỄN HÙNG****Tổng Giám Đốc***TP.HCM, ngày 03 tháng 4 năm 2009*



Số: 08536-HN/AISC-DN3

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN & DỊCH VỤ TIN HỌC**

Auditing &amp; Informatic Services Company Limited

Office: 142 Nguyễn Thị Minh Khai, Quận 3, Thành Phố Hồ Chí Minh

Tel: (84.8) 3930 5163 (10 Lines)

Fax: (84.8) 3930 4281

Email: aisc@aisc.com.vn

Website: www.aisc.com.vn



**BÁO CÁO KIỂM TOÁN VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT  
CHO NIÊN ĐỘ KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2008  
CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ VẬN TẢI SAFI**

**Kính gửi: Hội đồng Quản trị và Ban Giám Đốc****Công ty Công ty Cổ Phần Đại Lý Vận Tải SaFi**

Chúng tôi đã kiểm toán các báo cáo tài chính hợp nhất gồm: bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2008, báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất, báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho niên độ kết thúc cùng, được lập ngày 31 tháng 3 năm 2009 của Công ty Cổ Phần Đại Lý Vận Tải SaFi từ trang 5 đến trang 23 kèm theo.

Việc lập và trình bày các báo cáo tài chính hợp nhất này thuộc về trách nhiệm Ban Giám đốc quý Công ty. Trách nhiệm của kiểm toán viên là căn cứ vào việc kiểm toán để hình thành một ý kiến độc lập về các báo cáo tài chính hợp nhất này.

**Cơ sở ý kiến**

Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và những chuẩn mực kiểm toán quốc tế được Nhà nước Việt Nam thừa nhận. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện việc kiểm toán để có sự đảm bảo hợp lý rằng các báo cáo tài chính hợp nhất không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Trên căn bản áp dụng các thử nghiệm cần thiết, kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu, cuộc kiểm toán bao gồm việc xem xét các chứng cứ liên quan đến số liệu và công bố trên báo cáo tài chính hợp nhất; đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng. Cuộc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá về những ước lượng và những ý kiến quan trọng đã được thể hiện bởi Ban Giám đốc Công ty cũng như việc trình bày tổng thể các báo cáo tài chính hợp nhất. Chúng tôi đã lập kế hoạch và hoàn thành cuộc kiểm toán để đạt được tất cả các thông tin và các giải trình cần thiết. Chúng tôi tin rằng việc kiểm toán đã cung cấp cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

**Ý kiến của kiểm toán viên**

Theo quan điểm của chúng tôi, xét trên các khía cạnh trọng yếu, các báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty Cổ Phần Đại lý Vận Tải SaFi tại ngày 31 tháng 12 năm 2008, cũng như kết quả sản xuất kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho niên độ kết thúc cùng ngày, phù hợp với chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và tuân thủ quy định pháp lý có liên quan.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 03 tháng 4 năm 2009

**Kiểm toán viên**
**Trần Ngọc Hùng**

Chứng chỉ KTV số: 1084/KTV

Do Bộ Tài Chính Việt Nam cấp.

**Đặng Ngọc Tú**

Chứng chỉ KTV số: 0213/KTV

Do Bộ Tài Chính Việt Nam cấp.

Branch in Hà Nội: C2 Room, 24 Floor - E9 Lot, VIMECO Building, Phạm Hùng St, Cầu Giấy Dist, Hà Nội

Tel: (04) 3782 0045/46/47 Fax: (04) 3782 0048

Email: alshn@hn.vnn.vn

Branch in Đà Nẵng: 92 A Quang Trung St, Hải Châu Dist, Đà Nẵng

Tel: (0511) 389 5619

Fax: (0511) 389 5620

Email: aisc@dn.vnn.vn

Representative in Cần Thơ: 64 Nam Kỳ Khởi Nghĩa St, Ninh Kiều Dist, Cần Thơ

Tel: (0710) 3813 004

Fax: (0710) 3828 765

Representative in Hải Phòng: 21 Luang Khanh Thiên St, Ngô Quyền Dist, Hải Phòng

Tel: (031) 3920 797

Fax: (031) 3920 973

Trang 4

## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ VẬN TẢI SAFI

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2008

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	TM	31/12/2008	01/01/2008
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>143.445.977.162</b>	<b>156.557.353.114</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>		<b>109.528.885.241</b>	<b>116.664.802.453</b>
1. Tiền	111	V.01	109.528.885.241	116.664.802.453
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	<b>V.02</b>	-	-
1. Đầu tư ngắn hạn	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư ngắn hạn (*)	129		-	-
<b>III Các khoản phải thu</b>	<b>130</b>	<b>V.03</b>	<b>23.140.488.807</b>	<b>31.092.342.621</b>
1. Phải thu của khách hàng	131		5.948.107.228	10.463.927.056
2. Trả trước cho người bán	132		177.379.407	940.847.133
3. Phải thu nội bộ	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	138	V.03	17.015.002.172	19.687.568.432
6. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139		-	-
<b>IV Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		-	-
1. Hàng tồn kho	141	V.04	-	-
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		-	-
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>10.776.603.114</b>	<b>8.800.208.040</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		771.858.912	447.952.149
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		564.073.824	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.05	-	-
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		9.440.670.378	8.352.255.891
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>147.013.883.200</b>	<b>115.289.819.551</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>244.705.000</b>	<b>244.705.000</b>
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213	V.06	-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218	V.07	244.705.000	244.705.000
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219		-	-
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>102.637.809.518</b>	<b>88.146.831.137</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.08	87.100.931.125	78.896.012.833
- Nguyên giá	222		101.599.014.273	91.129.808.166
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(14.498.083.148)	(12.233.795.333)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	V.09	-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-

## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ VẬN TẢI SAFI

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2008

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	TM	31/12/2008	01/01/2008
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	-	-
- Nguyên giá	228		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		-	-
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.11	15.536.878.393	9.250.818.304
<b>III Bất động sản đầu tư</b>	<b>240</b>	<b>V.12</b>	-	-
- Nguyên giá	241		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	242		-	-
<b>IV Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>44.131.368.682</b>	<b>26.898.283.414</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	VIII.4	42.425.245.682	25.192.160.414
3. Đầu tư dài hạn khác	258	V.13	1.706.123.000	1.706.123.000
4. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư dài hạn	259		-	-
<b>V. Lợi thế thương mại</b>	<b>260</b>		-	-
<b>VI Tài sản dài hạn khác</b>	<b>270</b>		-	-
1. Chi phí trả trước dài hạn	271	V.14	-	-
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	272		-	-
3. Tài sản dài hạn khác	278		-	-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>280</b>		<b>290.459.860.362</b>	<b>271.847.172.665</b>





**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ VẬN TẢI SAFI**  
**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2008

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	TM	31/12/2008	01/01/2008
<b>A. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>148.788.398.161</b>	<b>208.377.869.554</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>148.604.008.937</b>	<b>178.245.397.381</b>
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.15	-	10.000.000.000
2. Phải trả cho người bán	312		65.584.856.035	78.313.516.208
3. Người mua trả tiền trước	313		20.609.792.278	38.413.198.590
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.16	2.038.441.828	2.236.239.052
5. Phải trả công nhân viên	315		8.835.131.328	13.611.079.529
6. Chi phí phải trả	316	V.17	-	-
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	V.18	51.535.787.468	35.671.364.002
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>184.389.224</b>	<b>30.132.472.173</b>
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332	V.19	-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333		-	-
4. Vay và nợ dài hạn	324	V.20	-	30.000.000.000
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335	V.21	-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		184.389.224	132.472.173
<b>B. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>134.175.586.829</b>	<b>56.071.192.261</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	V.22	<b>133.418.320.600</b>	<b>55.476.906.488</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		27.633.278.054	11.385.008.054
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		33.636.112.600	-
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu ngân quỹ	414		-	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		10.880.787.788	9.926.998.525
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		1.048.728.062	1.038.726.270
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận chưa phân phối	420		60.219.414.097	33.126.173.639
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>757.266.229</b>	<b>594.285.773</b>
1. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	431		757.266.229	594.285.773
2. Nguồn kinh phí	432	V.23	-	-
<b>C. LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ</b>	<b>500</b>		<b>7.495.875.371</b>	<b>7.398.110.850</b>
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>530</b>		<b>290.459.860.362</b>	<b>271.847.172.665</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ VẬN TẢI SAFI**  
**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2008

Đơn vị tính: VND

**CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

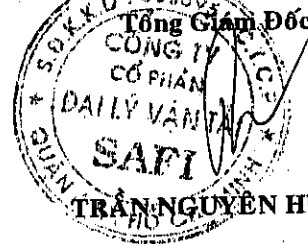
<b>CHỈ TIÊU</b>	<b>TM</b>	<b>31/12/2008</b>	<b>01/01/2008</b>
1. Tài sản thuê ngoài		-	-
2. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi		-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý		-	-
5. Ngoại tệ các loại (USD)		3.142.483,39	2.933.383,01
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

Kế toán trưởng



VÕ THỊ PHƯƠNG LAN

TP. HCM, ngày 03 tháng 4 năm 2009



TRẦN NGUYỄN HÙNG

## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ VẬN TẢI SAFI

## BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho niên độ kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

Đơn vị tính: VND

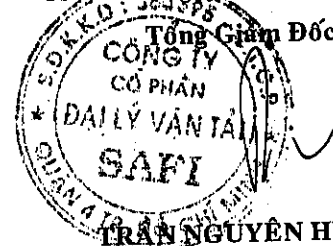
Chỉ tiêu	Mã số	TM	Năm 2008	Năm 2007
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.25	121.276.524.427	98.399.708.742
2. Các khoản giảm trừ	03	VI.25	-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-03)	10	VI.25	121.276.524.427	98.399.708.742
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.27	70.037.092.362	58.585.733.272
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		51.239.432.065	39.813.975.470
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.26	15.857.491.693	2.118.030.376
7. Chi phí tài chính	22	VI.28	6.936.268.976	1.822.974.132
Trong đó: Lãi vay phải trả	23		-	-
8. Chi phí bán hàng	24		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		33.072.578.849	23.157.623.605
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh [30= 20+(21-22)-(24+25)]	30		27.088.075.933	16.951.408.109
11. Thu nhập khác	31		13.469.613	-
12. Chi phí khác	32		-	-
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		13.469.613	-
14. Lợi nhuận (lỗ) trong công ty liên kết, liên doanh	50		13.847.485.268	12.955.564.150
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (60=30+40+50)	60		40.949.030.814	29.906.972.259
16. Thuế thu nhập doanh nghiệp	61	VI.29	3.423.322.315	3.292.645.584
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (70=60-61)	70		37.525.708.499	26.614.326.675
17.1 Lợi ích của cổ đông thiểu số			2.692.057.470	3.144.143.901
17.2 Lợi ích sau thuế của cổ đông của công ty mẹ			34.833.651.029	23.470.182.774

Kế toán trưởng



VÕ THỊ PHƯƠNG LAN

TP. HCM, ngày 03 tháng 4 năm 2009



TRẦN NGUYỄN HÙNG

# CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ VẬN TẢI SAFI

## BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Cho niên độ kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2008	Năm 2007
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	27.101.545.546	16.951.408.109
2. Điều chỉnh cho các khoản		1.490.142.170	3.257.991.819
- Khấu hao TSCĐ	02	2.264.287.815	2.708.219.881
- Các khoản dự phòng	03	-	328.425.980
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	(249.797.044)	(193.544.609)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(4.208.181.935)	(903.276.101)
- Chi phí lãi vay	06	3.683.833.334	1.318.166.668
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	28.591.687.716	20.209.399.928
- Tăng giảm các khoản phải thu	09	6.299.365.503	5.459.441.611
- Tăng giảm các khoản phải trả	11	(19.851.680.399)	71.588.083.938
- Tăng giảm chi phí trả trước	12	(323.906.763)	197.263.914
- Tiền lãi vay đã trả	13	(1.100.833.334)	(3.239.697.468)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(3.357.310.768)	(3.376.807.912)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	1.606.518.006	-
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16	(2.289.817.706)	(13.954.262.159)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>	20	<i>9.574.022.255</i>	<i>76.883.421.852</i>
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TS dài hạn khác	21	(16.755.266.196)	(69.747.600.081)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TS dài hạn khác	22	-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	23	-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của các đơn vị khác	24	-	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	25	(5.838.508.355)	(1.500.000.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	26	-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	8.432.030.135	7.770.774.306
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>	30	<i>(14.161.744.416)</i>	<i>(69.026.825.685)</i>
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	46.398.855.600	8.070.580.000
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	-	40.000.000.000
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(40.000.000.000)	-
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35	-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(5.965.995.458)	(3.721.829.991)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	40	<i>432.860.142</i>	<i>44.348.750.009</i>
<i>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (20+30+40)</i>	50	<i>(4.154.862.019)</i>	<i>52.205.346.176</i>
<i>Tiền và tương đương tiền tồn đầu kỳ</i>	60	<i>116.664.802.453</i>	<i>64.661.630.404</i>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	(2.981.055.193)	(202.174.127)
<i>Tiền và tương đương tiền tồn cuối kỳ</i>	70	<i>109.528.885.241</i>	<i>116.664.802.453</i>

TP. HCM, ngày 03 tháng 4 năm 2009

Kế toán trưởng



VÕ THỊ PHƯƠNG LAN



Giám Đốc

TRẦN NGUYỄN HÙNG

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ VẬN TẢI SAFI****THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho niên độ kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

Đơn vị tính: VND**I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC ĐƠN VỊ THÀNH VIÊN TRONG CÔNG TY****1. Hình thức sở hữu của công ty mẹ:**

- Công ty Cổ Phần Đại Lý Vận Tải SAFI được chuyển đổi từ DNNN sang Công ty cổ phần theo Quyết định số 1247/1998/QĐ-BGTVT ngày 25/05/1998 của Bộ Giao Thông Vận Tải và đăng ký hoạt động kinh doanh theo giấy phép số 063595 ngày 31/08/1998 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. HCM cấp, đã thay đổi lần thứ 14 ngày 24 tháng 01 năm 2009.

- Các bên tham gia góp vốn của Công ty gồm:

- + Vốn cổ đông nhà nước: 14,21%
- + Vốn góp của các cổ đông khác: 85,79%

- Tổng số công ty con: 1

- + Số lượng công ty con được hợp nhất: 1
- + Số lượng công ty con không được hợp nhất: 0

- Thông tin về Công ty con được hợp nhất

**Công Ty Liên Doanh Đại Lý Vận Tải COSFI**

+ Địa chỉ: 6A Hồ Xuân Hương, quận 3, TP. Hồ Chí Minh.

+ Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ: 51%

+ Quyền biểu quyết của Công ty mẹ: 51%

- Thông tin về Công ty liên kết quan trọng:

**Công Ty Liên Doanh Vận Tải và Giao Nhận Yusen Air & Sea Service (Việt Nam)**

+ Địa chỉ: 56 Trường Sơn, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

+ Tỷ lệ phần sở hữu: 45%

+ Tỷ lệ quyền biểu quyết: 45%

**Công ty TNHH KCTC Việt Nam**

+ Địa chỉ: 473 Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

+ Tỷ lệ phần sở hữu: 27,3%

+ Tỷ lệ quyền biểu quyết: 27,3%

**2. Lĩnh vực kinh doanh:**

- Hoạt động chính của các thành viên trong công ty: Dịch vụ.

**3. Ngành nghề kinh doanh:**

- Đại lý vận tải đa phương thức; Đại lý tàu biển trong và ngoài nước; Đại lý uỷ thác quản lý container; Giao nhận hàng hóa kinh doanh; Kinh doanh kho bãi...

**4. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính:****5. Nhân sự:**

- Tổng số công nhân viên đến 31/12/2008: 303 người.

ATC  
 RACI  
 MTK  
 TH  
 HO  
 /E

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ VẬN TẢI SAFI****THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho niên độ kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

Đơn vị tính: VND**II. NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN****1. Niên độ kế toán:**

- Niên độ kế toán bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

**2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán:**

- Đồng Việt Nam được sử dụng làm đơn vị tiền tệ để ghi sổ kế toán.

**III. CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG****1. Chế độ kế toán áp dụng:**

- Công ty áp dụng hệ thống kế toán Việt Nam được Bộ Tài Chính ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 và các thông tư hướng dẫn sửa đổi quyết định này.

**2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán**

- Ban Giám Đốc đã tuân thủ các nguyên tắc của các chuẩn mực kế toán cũng như các qui định của chế độ kế toán Việt Nam hiện hành trong việc lập và trình bày các báo cáo tài chính hợp nhất. Năm 2008 là năm thứ tư áp dụng các chuẩn mực kế toán sau nên công ty đang phân tích đánh giá ảnh hưởng của các chuẩn mực kế toán này.

+ VAS 07: Kế toán các khoản đầu tư vào công ty liên kết.

+ VAS 25: Báo cáo tài chính hợp nhất và kế toán các khoản đầu tư vào công ty con.

+ VAS 26: Thông tin về các bên liên quan.

+ VAS 28: Báo cáo bộ phận

+ VAS 29: Thay đổi chính sách kế toán, ước tính kế toán và các sai sót.

**3. Hình thức kế toán áp dụng: Nhật ký chung****4. Cơ sở hợp nhất các Báo cáo Tài chính**

Các Báo cáo Tài chính hợp nhất bao gồm Báo cáo Tài chính của Công ty và của các Công ty con tại ngày 31/12 hàng năm. Báo cáo Tài chính của các Công ty con có cùng niên độ báo cáo với Công ty.

Tất cả các giao dịch nội bộ, kể cả các khoản lãi/lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ đã được loại trừ hoàn toàn.

Báo cáo Tài chính được hợp nhất vào Báo cáo Tài chính của Công ty theo phương pháp hợp nhất toàn phần bắt đầu từ ngày Công ty có quyền kiểm soát.

**IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG****1. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và phương pháp chuyển đổi ngoại tệ**

- Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

- Nguyên tắc và phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác ra đồng tiền sử dụng trong kế toán:

+ Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh.

+ Vào ngày kết thúc niên độ kế toán, các khoản mục tiền, phải thu, phải trả có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá ngân hàng tại 31/12/2008: 17.486 VND/USD. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

**2. Chính sách kế toán đối với hàng tồn kho:**

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ VẬN TẢI SAFI****THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho niên độ kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

Đơn vị tính: VND**3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác:**

Nguyên tắc ghi nhận: Các khoản phải thu được ghi nhận khi Đơn vị có được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng và số tiền thu về được xác định tương đối chắc chắn. Được ghi theo giá trị ghi sổ cùng với dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi

**4. Nguyên tắc xác định khoản phải thu, phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng:****5. Ghi nhận và khấu hao Tài sản cố định:**

- Nguyên tắc ghi nhận TSCĐHH, TSCĐVH: Nguyên giá TSCĐ bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan đến việc đưa TSCĐ vào hoạt động.

- Phương pháp khấu hao TSCĐHH, TSCĐVH: theo phương pháp khấu hao đường thẳng phù hợp với Quyết định 206/2003/QĐ-BTC ngày 12/12/2003 của Bộ Tài Chính Việt Nam.

Đối tượng	Số năm khấu hao
Nhà cửa, vật kiến trúc	25
Phương tiện vận tải	10
Thiết bị dụng cụ quản lý	5

**6. Hợp đồng thuê tài chính:****7. Ghi nhận và khấu hao bất động sản đầu tư:****8. Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư vào công ty liên kết: Phương pháp vốn chủ sở hữu****9. Nguyên tắc vốn hóa các khoản chi phí đi vay và các khoản chi phí khác:****10. Nguyên tắc kế toán chi phí nghiên cứu và triển khai:****11. Ghi nhận các khoản phải trả thương mại và phải trả khác:**

Nguyên tắc ghi nhận: Các khoản phải trả được ghi nhận khi Đơn vị có được lợi ích kinh tế từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ. Tại thời điểm ghi nhận các khoản phải trả, Đơn vị đã nhận được sự chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với sản phẩm, dịch vụ mà đơn vị mua.

**12. Ghi nhận chi phí phải trả, trích trước chi phí sửa chữa lớn, chi phí bảo hành sản phẩm, trích lập quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm:**

- Chi phí phải trả: Đơn vị trích trước các khoản chi phí cho từng trường hợp cụ thể có liên quan đến kỳ kế toán hiện hành.

- Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm được dùng để chi trả trợ cấp thôi việc, mất việc. Mức trích quỹ dự phòng trợ cấp mất việc là 3% trên quỹ tiền lương làm cơ sở đóng bảo hiểm xã hội và được hạch toán vào chi phí trong kỳ. Trường hợp quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm không đủ để chi trợ cấp cho người lao động thôi việc, mất việc trong kỳ thì phần chênh lệch thiếu được hạch toán vào chi phí.

**13. Ghi nhận các trái phiếu có thể chuyển đổi:****14. Nguyên tắc chuyển đổi ngoại tệ và các nghiệp vụ dự phòng rủi ro hối đoái:****15. Nguồn vốn chủ sở hữu:**

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

- Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu phát hành lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu ngân quỹ.

- Vốn khác của chủ sở hữu: được ghi nhận theo giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản nhận được do biếu, tặng, sau khi trừ đi thuế phải nộp liên quan đến các tài sản này.

54  
NG  
HỆM  
VÀ  
H  
P  
I  
M

# CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ VẬN TẢI SAFI

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Đơn vị tính: VND

Cho niên độ kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

- Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối: được ghi nhận là số lợi nhuận (hoặc lỗ) từ kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp sau khi trừ (-) chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của kỳ hiện hành và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.
- Nguyên tắc trích lập các khoản dự trữ, các quỹ từ lợi nhuận sau thuế: Căn cứ vào Điều lệ của Công ty và Quyết định của Hội Đồng Quản Trị.

### 16. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu:

- Doanh thu được ghi nhận khi Đơn vị có được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng và số tiền thu về được xác định tương đối chắc chắn. Tại thời điểm ghi nhận doanh thu đơn vị đã hoàn thành việc chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm, dịch vụ cho người mua, đồng thời xác định được các chi phí có liên quan.

## V. CHI TIẾT MỘT SỐ CHỈ TIÊU TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

### 1 Tiền và các khoản tương đương tiền

#### 1.1 Phân loại theo khoản mục

Đối tượng	USD (#)	31/12/2008	01/01/2008
a) Tiền mặt	58.795,65	3.513.843.658	2.728.724.109
VND		2.485.742.922	1.786.619.781
USD	58.795,65	1.028.100.736	942.104.328
b) Tiền gửi ngân hàng	3.083.687,74	106.015.041.583	113.936.078.344
VND		52.093.677.761	67.747.485.708
USD	3.083.687,74	53.921.363.822	46.188.592.636
c) Tiền đang chuyển		-	-
d) Các khoản tương đương tiền		-	-
<b>Tổng cộng</b>	<b>3.142.483,39</b>	<b>109.528.885.241</b>	<b>116.664.802.453</b>

#### 1.2 Phân loại theo đơn vị

Đối tượng	USD (#)	31/12/2008	01/01/2008
a) Tiền mặt	58.795,65	3.513.843.658	2.728.724.109
SAFI	58.795,65	2.636.718.743	2.183.820.370
COSFI		877.124.915	544.903.739
b) Tiền gửi ngân hàng	3.083.687,74	106.015.041.583	113.936.078.344
SAFI	1.247.169,35	52.961.292.085	48.629.695.779
COSFI	1.836.518,39	53.053.749.498	65.306.382.565
<b>Tổng cộng</b>	<b>3.142.483,39</b>	<b>109.528.885.241</b>	<b>116.664.802.453</b>

### 2 Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn

### 3 Các khoản phải thu khác

#### 3.1 Phân loại theo khoản mục

Đối tượng	31/12/2008	01/01/2008
Phải thu của khách hàng	5.948.107.228	10.463.927.056
Trả trước cho người bán	177.379.407	940.847.133

Thuyết minh hợp nhất này là bộ phận cấu thành của báo cáo hợp nhất từ trang 05 đến trang 10.



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ VẬN TẢI SAFI**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho niên độ kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

Đơn vị tính: VND

Phải thu khác	17.015.002.172	19.687.568.432
+ Phải thu cước xuất phòng Air	5.576.986.990	10.465.993.826
+ Phải thu cước xuất phòng Sea	1.921.010.248	3.156.369.185
+ Phải thu cước THC phòng Sea	208.850.335	402.386.880
+ Tại chi Nhánh Quảng Ninh		53.528.816
+ Phải trả cước nhập các hãng đại lý	136.003.604	903.530.093
+ Cổ tức tạm chia	2.438.042.570	-
+ Phải thu cước phòng Cont. hàng Sea		1.484.054.588
+ Phải thu cước CN Hải phòng (COSFI)		1.932.226.064
+ Phải thu cước phòng FWD hàng Air		135.831.264
+ Phải thu cước phòng FWD hàng Sea		438.474.438
+ Khác	6.734.108.425	715.173.278
Dự phòng phải thu khó đòi	-	-
Giá trị thuần của phải thu thương mại và phải thu khác	23.140.488.807	31.092.342.621
<b>Tổng cộng</b>	<b>23.140.488.807</b>	<b>31.092.342.621</b>

## 3.2 Phân loại theo đơn vị

Đối tượng	31/12/2008	01/01/2008
Phải thu của khách hàng	5.948.107.228	10.463.927.056
SAFI	5.948.107.228	10.463.927.056
COSFI	-	-
Trả trước cho người bán	177.379.407	940.847.133
SAFI	177.379.407	940.847.133
COSFI	-	-
Phải thu khác	17.015.002.172	19.687.568.432
SAFI	10.738.430.359	15.696.982.078
COSFI	6.276.571.813	3.990.586.354
Dự phòng phải thu khó đòi	-	-
Giá trị thuần của phải thu thương mại và phải thu khác	23.140.488.807	31.092.342.621
SAFI	16.863.916.994	27.101.756.267
COSFI	6.276.571.813	3.990.586.354
<b>Tổng cộng</b>	<b>23.140.488.807</b>	<b>31.092.342.621</b>
4 Hàng tồn kho	-	-
5 Thuế và các khoản phải thu nhà nước	-	-
6 Phải thu dài hạn nội bộ	-	-
7 Phải thu dài hạn khác	-	-
COSFI	31/12/2008	01/01/2008
- Ký quỹ, ký cược dài hạn	244.705.000	244.705.000
<b>Tổng cộng</b>	<b>244.705.000</b>	<b>244.705.000</b>

Thuyết minh hợp nhất này là bộ phận cấu thành của báo cáo hợp nhất từ trang 05 đến trang 10.

Trang 15

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ VẬN TẢI SAFI**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

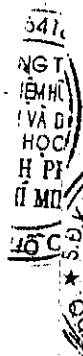
Cho niên độ kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

Đơn vị tính: VNĐ

**8 Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc (*)	Phương tiện vận tải, TD	Thiết bị văn phòng	Tổng cộng
<b>Nguyên giá</b>				
01/01/2008	77.227.089.654	10.427.527.113	3.475.191.399	91.129.808.166
SAFI	77.227.089.654	8.796.646.800	1.100.445.492	87.124.181.946
COSFI	-	1.630.880.313	2.374.745.907	4.005.626.220
+ Mua trong năm	-	7.296.907.110	56.276.466	7.353.183.576
SAFI	-	7.296.907.110	56.276.466	7.353.183.576
COSFI	-	-	-	-
+ Đầu tư XDCB hoàn thành	3.116.022.864	-	-	3.116.022.864
SAFI	3.116.022.864	-	-	3.116.022.864
COSFI	-	-	-	-
+ Giảm khác	-	-	333	333
SAFI	-	-	333	333
COSFI	-	-	-	-
31/12/2008	80.343.112.518	17.724.434.223	3.531.467.532	101.599.014.273
SAFI	80.343.112.518	16.093.553.910	1.156.721.625	97.593.388.053
COSFI	-	1.630.880.313	2.374.745.907	4.005.626.220
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>				
01/01/2008	5.549.350.972	4.774.221.279	1.910.223.082	12.233.795.333
SAFI	5.549.350.972	3.680.572.626	830.583.187	10.060.506.785
COSFI	-	1.093.648.653	1.079.639.895	2.173.288.548
+ Khấu hao trong năm	670.586.503	1.192.544.607	401.156.705	2.264.287.815
SAFI	670.586.503	916.019.931	93.719.838	1.680.326.272
COSFI	-	276.524.676	307.436.867	583.961.543
31/12/2008	6.219.937.475	5.966.765.886	2.311.379.787	14.498.083.148
SAFI	6.219.937.475	4.596.592.557	924.303.025	11.740.833.057
COSFI	-	1.370.173.329	1.387.076.762	2.757.250.091
<b>Giá trị còn lại</b>				
01/01/2008	71.677.738.682	5.653.305.834	1.564.968.317	78.896.012.833
SAFI	71.677.738.682	5.116.074.174	269.862.305	77.063.675.161
COSFI	-	537.231.660	1.295.106.012	1.832.337.672
31/12/2008	74.123.175.043	11.757.668.337	1.220.087.745	87.100.931.125
SAFI	74.123.175.043	11.496.961.353	232.418.600	85.852.554.996
COSFI	-	260.706.984	987.669.145	1.248.376.129

Ghi chú: (\*) Tài sản cố định hữu hình - Phần Nhà cửa vật kiến trúc với nguyên giá tại thời điểm 31/12/2008 là 80.343.112.518 đồng. Trong đó, giá trị nhà số 209 Nguyễn Văn Thủ Quận 1- TP.HCM là 58.859.800.000 đồng, bao gồm cả giá trị quyền sử dụng đất (diện tích 447,1 m2) và giá trị công trình trên đất. Tuy nhiên, đơn vị chưa tách riêng giá trị quyền sử dụng đất ra để hạch toán vào tài sản cố định vô hình.



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ VẬN TẢI SAFI**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho niên độ kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

Đơn vị tính: VND

9	Tăng, giảm tài sản cố định thuê tài chính	-	-
10	Tăng, giảm tài sản cố định vô hình	-	-
11	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	-	-
	<b>Đối tượng</b>	<b>31/12/2008</b>	<b>01/01/2008</b>
	SAFI	-	-
	+ Chi phí khảo sát thiết kế	392.694.350	2.257.338.200
	+ Tổ hợp kho Đà Nẵng	15.144.184.043	6.321.533.208
	+ Công trình Kho Quận 7 - TP. HCM	-	671.946.896
	<b>Tổng cộng</b>	<b>15.536.878.393</b>	<b>9.250.818.304</b>
12	Bất động sản đầu tư	-	-
13	Đầu tư dài hạn khác	-	-
13.1	Phân loại theo khoản mục	-	-
	<b>Đối tượng</b>	<b>31/12/2008</b>	<b>01/01/2008</b>
	- Đầu tư trái phiếu	5.000.000	5.000.000
	- Thẻ hội viên -Golf	201.123.000	201.123.000
	- Công ty Vinalines	1.500.000.000	1.500.000.000
	<b>Tổng cộng</b>	<b>1.706.123.000</b>	<b>1.706.123.000</b>
13.2	Phân loại theo đơn vị	-	-
	<b>Đối tượng</b>	<b>31/12/2008</b>	<b>01/01/2008</b>
	SAFI	1.706.123.000	1.706.123.000
	COSFI	-	-
	<b>Tổng cộng</b>	<b>1.706.123.000</b>	<b>1.706.123.000</b>
14	Chi phí trả trước dài hạn	-	-
15	Vay và nợ ngắn hạn	-	-
	<b>Đối tượng</b>	<b>31/12/2008</b>	<b>01/01/2008</b>
	SAFI	-	-
	- Vay ngắn hạn Ngân hàng An Bình	-	10.000.000.000
	<i>Hợp đồng tín dụng số 0234/07/HĐTD ngày 22/05/2007; thời hạn vay 120 tháng; lãi suất 0,95% tháng. Mục đích: mua bất động sản tại 209 Nguyễn Văn Thủ, Quận 1, TPHCM.</i>		
	<b>Tổng cộng</b>	-	<b>10.000.000.000</b>
16	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	-	-
16.1	Phân loại theo khoản mục	-	-
	<b>Đối tượng</b>	<b>31/12/2008</b>	<b>01/01/2008</b>
a)	Thuế phải nộp Nhà nước	2.038.441.828	2.236.239.052
	- Thuế GTGT	242.341.525	233.614.663
	- Thuế TNDN	873.282.635	807.271.088
	- Các loại thuế khác	922.817.668	1.195.353.301
b)	Các khoản phải nộp khác	-	-
	<b>Tổng cộng</b>	<b>2.038.441.828</b>	<b>2.236.239.052</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ VẬN TẢI SAFI**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho niên độ kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

Đơn vị tính: VND

**16.2 Phân loại theo đơn vị**

<u>Đối tượng</u>	<u>31/12/2008</u>	<u>01/01/2008</u>
a) Thuế phải nộp Nhà nước	2.038.441.828	2.236.239.052
SAFI	1.046.261.726	989.896.889
COSFI	992.180.102	1.246.342.163
b) Các khoản phải nộp khác	-	-
<b>Tổng cộng</b>	<b>2.038.441.828</b>	<b>2.236.239.052</b>

**17 Chi phí phải trả**

**18 Các khoản phải trả, phải nộp khác**

**18.1 Phân loại theo khoản mục**

<u>Đối tượng</u>	<u>31/12/2008</u>	<u>01/01/2008</u>
- Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế	14.475.980	318.529.126
- Kinh phí công đoàn	340.654.398	463.149.606
- Cổ tức phải trả		50.025.000
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	51.180.657.090	34.839.660.270
+ Tiền đăng ký mua cổ phần	-	8.070.480.000
+ Phải trả cước nhập các hãng đại lý	30.390.024.794	19.290.091.942
+ Tại chi nhánh Hà Nội	11.234.727.027	2.705.654.891
+ Tại chi nhánh Đà Nẵng	3.794.597.121	2.448.722.713
+ Tại chi nhánh Hải Phòng	1.159.742.930	46.696.557
+ Tại chi nhánh Quy Nhơn	1.309.095.482	270.932.947
+ Thuế cước	160.845	201.828.466
+ Phải trả cước xuất phòng Sea	18.465.986	
+ Phải trả cước THC phòng Sea	44.438.661	91.095.322
+ Khác	3.229.404.244	1.714.157.432
<b>Tổng cộng</b>	<b>51.535.787.468</b>	<b>35.671.364.002</b>

**18.2 Phân loại theo đơn vị**

<u>Đối tượng</u>	<u>31/12/2008</u>	<u>01/01/2008</u>
SAFI	50.825.619.743	35.246.732.294
COSFI	710.167.725	424.631.708
<b>Tổng cộng</b>	<b>51.535.787.468</b>	<b>35.671.364.002</b>

**19 Phải trả dài hạn nội bộ**

**20 Các khoản vay và nợ dài hạn**

<u>SAFI</u>	<u>31/12/2008</u>	<u>01/01/2008</u>
a) Vay dài hạn	-	30.000.000.000

Hợp đồng tín dụng số 0129/07/HĐTD ngày 11/04/2007; thời hạn vay 120 tháng; lãi suất năm 1:1,05% tháng; năm hai trở đi lãi tính theo lãi suất tiết kiệm cộng 0,3% tháng. Mục đích mua bất động sản xây cao ốc văn phòng.

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ VẬN TẢI SAFI**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho niên độ kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

Đơn vị tính: VND

b) Nợ dài hạn	-	-
c) Các khoản nợ thuế tài chính	-	-
<b>Tổng cộng</b>	-	<b>30.000.000.000</b>

21 Thuế thu nhập hoãn lại phải trả

22 Vốn chủ sở hữu

d) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Khoản mục	Vốn đầu tư chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Các Quỹ thuộc chủ sở hữu	Lợi nhuận chưa PP	Tổng cộng
- Số dư tại 01/01/2007	11.385.008.054	-	7.233.502.719	18.877.417.599	37.495.928.372
+ Tăng vốn năm trước	-	-	-	-	-
+ Lãi năm trước	-	-	-	26.614.326.675	26.614.326.675
+ Tăng khác	-	-	4.224.044.840	572.745.695	4.796.790.535
+ Giảm vốn năm trước	-	-	-	-	-
+ Giảm khác	-	-	491.822.764	12.938.316.330	13.430.139.094
- Số dư tại 01/01/2008	11.385.008.054	-	10.965.724.795	33.126.173.639	55.476.906.488
+ Tăng vốn năm nay	16.248.270.000	-	-	-	16.248.270.000
+ Lãi năm nay	-	-	-	37.525.708.499	37.525.708.499
+ Thặng dư phát hành CP	-	33.636.112.600	-	-	33.636.112.600
+ Trích lập quỹ	-	-	2.811.263.710	(2.811.263.710)	-
+ Trích lập quỹ KT, PL	-	-	-	(2.735.181.121)	(2.735.181.121)
+ Tăng khác	-	-	1.775.022.747	(1.775.022.747)	-
+ Chia cổ tức	-	-	-	(2.857.049.688)	(2.857.049.688)
+ Sử dụng quỹ	-	-	(3.622.495.402)	-	(3.622.495.402)
+ Giảm khác	-	-	-	(253.950.775)	(253.950.775)
- Số dư tại 31/12/2008	27.633.278.054	33.636.112.600	11.929.515.850	60.219.414.097	133.418.320.601

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

Đối tượng	Tỷ lệ	31/12/2008	01/01/2008
- Vốn góp của Nhà nước	14,21%	3.927.480.000	1.707.758.054
- Vốn góp của các đối tượng khác	85,79%	23.705.798.054	9.677.250.000
<b>Tổng cộng</b>	<b>100,00%</b>	<b>27.633.278.054</b>	<b>11.385.008.054</b>

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, lợi nhuận

Đối tượng	Năm 2008	Năm 2007
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	11.385.008.054	11.385.008.054
+ Vốn góp tăng trong năm	16.248.270.000	-
+ Vốn góp giảm trong năm	-	-
+ Vốn góp cuối năm	27.633.278.054	11.385.008.054

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ VẬN TẢI SAFI**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho niên độ kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

Đơn vị tính: VND

d) *Cổ tức*

<u>Đối tượng</u>	<u>Năm 2008</u>	<u>Năm 2007</u>
- Cổ tức đã công bố sau ngày kết thúc niên độ kế toán:	-	-
+ Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu thường:	-	15%
+ Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu ưu đãi:	-	-
- Cổ tức của cổ phiếu ưu đãi lũy kế chưa được ghi nhận:	-	-

e) *Cổ phiếu*

<u>Đối tượng</u>	<u>Năm 2008</u>	<u>Năm 2007</u>
- Số lượng cổ phiếu được phép phát hành	2.763.327	1.138.500
- Số lượng cổ phiếu đã được phát hành và góp vốn đầy đủ	2.763.327	1.138.500
+ Cổ phiếu phổ thông	2.763.327	1.138.500
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	2.763.327	1.138.500
+ Cổ phiếu phổ thông	2.763.327	1.138.500
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
<i>Mệnh giá cổ phiếu:</i>	10.000	10.000

f) *Các quỹ của doanh nghiệp*

<u>Đối tượng</u>	<u>Năm 2008</u>	<u>Năm 2007</u>
- Quỹ đầu tư phát triển	10.880.787.788	9.926.998.525
- Quỹ dự phòng tài chính	1.048.728.062	1.038.726.270

g) *Thu nhập và chi phí, lãi hoặc lỗ được ghi nhận trực tiếp Vốn chủ sở hữu theo quy định của các chuẩn mực kế toán cụ thể*

23 **Nguồn kinh phí**

24 **Tài sản thuê ngoài**

## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ VẬN TẢI SAFI

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho niên độ kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

Đơn vị tính: VND

## VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KQHĐKD HỢP NHẤT

## 25 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Đối tượng	Năm 2008	Năm 2007
<b>Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>121.276.524.427</b>	<b>98.399.708.742</b>
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	121.276.524.427	98.399.708.742
SAFI	88.104.469.115	72.670.061.542
COSFI	33.172.055.312	25.729.647.200
<b>Các khoản giảm trừ doanh thu</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Doanh thu thuần</b>	<b>121.276.524.427</b>	<b>98.399.708.742</b>

## 26 Doanh thu hoạt động tài chính

## 26.1 Phân loại theo khoản mục

Đối tượng	Năm 2008	Năm 2007
- Lãi tiền gửi	5.367.000.400	1.496.944.092
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	6.661.090.290	-
- Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	1.821.307.106	427.541.675
- Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	2.008.093.897	193.544.609
<b>Tổng cộng</b>	<b>15.857.491.693</b>	<b>2.118.030.376</b>

## 26.2 Phân loại theo đơn vị

Đối tượng	Năm 2008	Năm 2007
SAFI	11.318.204.109	748.352.593
COSFI	4.539.287.584	1.369.677.783
<b>Tổng cộng</b>	<b>15.857.491.693</b>	<b>2.118.030.376</b>

## 27 Giá vốn hàng bán

Đối tượng	Năm 2008	Năm 2007
- Giá vốn của hàng hóa đã cung cấp	-	-
- Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	70.037.092.362	58.585.733.272
<b>Tổng cộng</b>	<b>70.037.092.362</b>	<b>58.585.733.272</b>

## 28 Chi phí tài chính

## 28.1 Phân loại theo khoản mục

Đối tượng	Năm 2008	Năm 2007
- Lãi tiền vay	3.683.833.334	1.318.166.668
- Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	2.981.488.753	504.807.464
- Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	270.946.889	-
<b>Tổng cộng</b>	<b>6.936.268.976</b>	<b>1.822.974.132</b>

478  
GT  
MH  
VA D  
IOC  
PP  
MIT  
96

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ VẬN TẢI SAFI**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho niên độ kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

Đơn vị tính: VND

**28.2. Phân loại theo đơn vị**

Đối tượng	Năm 2008	Năm 2007
SAFI	3.954.780.223	1.331.602.124
COSFI	2.981.488.753	491.372.008
<b>Tổng cộng</b>	<b>6.936.268.976</b>	<b>1.822.974.132</b>

**29 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

Đối tượng	Năm 2008	Năm 2007
- Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	40.949.030.814	29.906.972.259
- Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán		
+ Các khoản điều chỉnh tăng	270.946.889	-
Lỗi tỷ giá chưa thực hiện	270.946.889	-
+ Các khoản điều chỉnh giảm	22.516.669.455	13.110.248.752
Lãi tỷ giá chưa thực hiện	2.008.093.897	154.684.602
Cổ tức được chia	6.661.090.290	-
Lợi nhuận chưa phân phối trong các Công ty liên kết (theo PP Vốn CSH)	13.847.485.268	12.955.564.150
- Tổng thu nhập chịu thuế	18.703.308.248	16.796.723.507
+ Thu nhập với mức thuế suất 25% (COSFI)	7.316.901.447	8.555.493.609
+ Thu nhập với mức thuế suất 28% (SAFI) (*)	11.386.406.801	8.241.229.898
+ Chi phí thuế thu nhập DN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	3.423.322.315	3.292.645.584
+ Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành năm nay		
<b>Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>3.423.322.315</b>	<b>3.292.645.584</b>

(\*): Căn cứ vào công văn 11924 ngày 20/10/2004 của Bộ tài chính về ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp cho các tổ chức niêm yết chứng khoán lần đầu, Công ty được giảm 50 % thuế TNDN trong 2 năm kể từ khi thực hiện việc niêm yết. Năm 2008 là năm thứ 2 Công ty được giảm thuế thu nhập doanh nghiệp.

**30 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

Đối tượng	Năm 2008	Năm 2007
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	-	-
- Chi phí nhân công	35.921.265.860	31.308.641.356
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.264.287.815	2.708.219.881
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	9.330.869.332	14.033.467.206
- Chi phí khác bằng tiền	55.588.438.204	33.693.028.434
<b>Tổng cộng</b>	<b>103.104.861.211</b>	<b>81.743.356.877</b>

**VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO LCTT HỢP NHẤT**

**VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**

- Những khoản nợ tiềm tàng, khoản cam kết và những thông tin tài chính khác
- Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ VẬN TẢI SAFI**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho niên độ kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

Đơn vị tính: VND

3. Thông tin về các bên liên quan

Trong kỳ, đơn vị có có nghiệp vụ với các bên liên quan như sau:

Khoản mục	Mối quan hệ	Năm 2008	Năm 2007
<b>Mua hàng</b>			
COSFI	Công ty con	-	-
YUSEN	Cty liên kết	-	-
KCTC	Cty liên kết	-	-
<b>Doanh thu bán hàng</b>			
COSFI	Công ty con	-	-
YUSEN	Cty liên kết	-	-
KCTC	Cty liên kết	-	-
<b>Công nợ phải thu, phải trả</b>			
COSFI	Công ty con	-	-
Số phải thu		-	-
Số phải trả		-	-
YUSEN	Cty liên kết	-	-
Số phải thu		-	-
Số phải trả		-	-
KCTC	Cty liên kết	-	-
Số phải thu		-	-
Số phải trả		-	-

4. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh

Đối tượng	31/12/2008	01/01/2008
- Công ty liên doanh đại lý vận tải COSFI	-	-
- Công ty LD vận tải và giao nhận YUSEN AIR & SEA SERVICE (VN)	38.662.871.217	25.192.160.414
- Công ty TNHH KCTC VIỆT NAM	3.762.374.465	-
<b>Tổng cộng</b>	<b>42.425.245.682</b>	<b>25.192.160.414</b>

5. Những thông tin khác

Theo quy định của Sở giao dịch chứng khoán TP.Hồ Chí Minh thì các doanh nghiệp hiện đang niêm yết trên sàn chứng khoán TP.Hồ Chí Minh phải có vốn điều lệ tối thiểu là 80.000.000.000 đ, trường hợp các doanh nghiệp đang niêm yết chưa đáp ứng đủ số vốn theo quy định thì phải hoàn thành việc tăng vốn trước ngày 30/06/2009. Sau ngày này nếu doanh nghiệp nào chưa đáp ứng việc tăng vốn theo quy định thì phải chuyển sang niêm yết ở Trung tâm giao dịch chứng khoán Hà Nội. Tại thời điểm 31/12/2008 vốn điều lệ của Công ty Cổ Phần Đại Lý Vận Tải Safi là 27.633.278.054 đ. Vì vậy, Công ty cần phải hoàn thành việc tăng vốn theo quy định trước ngày 30/06/2009.

Kế toán trưởng



VÕ THỊ PHƯƠNG LAN

TP. HCM, ngày 03 tháng 4 năm 2009



TRẦN NGUYỄN HÙNG